

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: CHĂN NUÔI

CHUYÊN NGÀNH 1: KHOA HỌC VẬT NUÔI (CN1)

CHUYÊN NGÀNH 2: DINH DƯỠNG VÀ CÔNG NGHỆ THỨC ĂN CHĂN NUÔI (CN2)

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

CN04806: RÈN NGHỀ SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI
(VOCATIONAL PRACTICE OF FEED PRODUCTION)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 6
- Số tín chỉ: **3 TC (Lý thuyết: 0 – Thực hành: 3 – Tự học: 9)**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Thực tập thực tế ngoài trường: 45 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Dinh dưỡng - Thức ăn
 - Khoa: Chăn nuôi
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>				Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>			
		CN1		CN2		CN1		CN2	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

- Học phần song hành: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Anh Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả mong đợi

***Mục tiêu:** Học phần nhằm giúp người học thực hành các **kỹ năng** về sản xuất, chế biến, sử dụng thức ăn chăn nuôi trong nuôi dưỡng gia súc, gia cầm trực tiếp tại các cơ sở/trang trại/nông hộ chăn nuôi. Thông qua đợt rèn nghề, sinh viên nắm được: thực tế việc sử dụng thức ăn chăn nuôi, các phương pháp cũng như kế hoạch sản xuất/chế biến thức ăn tại các cơ sở/trang trại chăn nuôi. Từ đó, người học nâng cao nhận thức và **rèn luyện thái độ** tích cực để xây dựng một nền chăn nuôi sạch và an toàn

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

* **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân Chăn nuôi	
Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CĐR1: Áp dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào lĩnh vực Chăn nuôi
Kiến thức chuyên ngành	CĐR 2: Phân tích các yếu tố tác động đến sản xuất giống, dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe vật nuôi
	CĐR 3: Đánh giá hiệu quả sản xuất giống, dinh dưỡng, chăm sóc vật nuôi
	CĐR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng tổng quát	CĐR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
	CĐR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
	CĐR 7: Giao tiếp hiệu quả bằng đa phương tiện, thích nghi với môi trường đa văn hóa; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên ngành	CĐR 8: Vận dụng các kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý thông tin phục vụ NCKH, phát triển công nghệ và quản lý sản xuất ngành chăn nuôi có hiệu quả
	CĐR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
	CĐR 10: Sử dụng công nghệ thông tin và các trang thiết bị hiện đại của ngành Chăn nuôi phục vụ sản xuất, kinh doanh đạt mục tiêu đề ra
	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Thái độ và phẩm chất đạo đức	CĐR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
	CĐR 13: Thể hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng và tôn trọng phúc lợi động vật
	CĐR 14: Thể hiện tinh thần học tập suốt đời

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
CN04806	Rèn nghề sản xuất thức ăn chăn nuôi				P	P	R	
		CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14
			P		R	R		

Kí hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Cải tiến một phần các quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện có tại trang trại dựa trên sự tham gia vào thực hiện qui trình này tại trại	CĐR 4: Thiết kế các chương trình sản xuất chăn nuôi đảm bảo phát triển bền vững
Kỹ năng		
K2	Lựa chọn quy trình chế biến thức ăn phù hợp với trang trại dựa trên nhu cầu dinh dưỡng vật nuôi, nguyên liệu thức ăn sẵn và điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất	CĐR 5: Vận dụng tư duy sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học, thực tiễn nghề nghiệp một cách hiệu quả
K3	Phối hợp làm việc nhóm để hoàn thành bài tập và báo cáo thu hoạch kết thúc rèn nghề	CĐR 6: Phối hợp làm việc nhóm trong hoạt động chuyên môn đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay nhà quản lý
K4	Áp dụng công nghệ lên men để thực hiện các quy trình chế biến, sản xuất thức ăn tại cơ sở	CĐR 9: Ứng dụng kỹ thuật, công nghệ và các mô hình phù hợp vào sản xuất chăn nuôi bền vững
K5	Thực hiện thành thạo các phương pháp sản xuất/chế biến thức ăn tại cơ sở/trang trại chăn nuôi	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong chăn nuôi
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Tôn trọng các nội quy nội bộ và an toàn lao động tại cơ sở rèn nghề	CĐR 12: Tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

III. Nội dung tóm tắt học phần

CN04806. Rèn nghề sản xuất thức ăn chăn nuôi (Vocational Practice of Feed Production) (3TC: 0-3-9). Sinh viên thực hành rèn nghề tại cơ sở/trang trại, nông hộ chăn nuôi về các nội dung: Tìm hiểu tình hình sản xuất, chăn nuôi tại cơ sở; Tìm hiểu kế hoạch sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi tại cơ sở; Thực hành các phương pháp sản xuất, chế biến, phối trộn thức ăn, đánh giá chất lượng thức ăn và sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc, gia cầm.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy:

- Tham quan/ thực hành trực tiếp các phương pháp sản xuất/chế biến thức ăn tại các cơ sở/trang trại chăn nuôi gia súc và gia cầm

- Sử dụng hệ thống E-learning trong hoạt động dạy học

2. Phương pháp học tập: Sinh viên đọc/nghiên cứu kỹ đề cương, tìm thông tin liên quan đến các cơ sở/trang trại chăn nuôi trước khi đi rèn nghề

- Sử dụng hệ thống E-learning trong hoạt động học

V. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia thực hành rèn nghề đầy đủ, nghiêm túc, tuân thủ các nội qui, qui định của cơ sở/trang trại/nông hộ

- Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu trong đề cương, tuân thủ các qui định của giáo viên hướng dẫn

- Hoàn thành báo cáo kết quả rèn nghề

- Đảm bảo an toàn cá nhân trong thời gian rèn nghề tại cơ sở/trang trại/ nông hộ

VI. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Điểm quá trình (Rubric 1): 30%
- Điểm thi cuối kì (rubric 2) : 70%

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMĐ của học phần	Trọng số (%)	Thời gian/ Tuần học
Đánh giá quá trình		30	17-18
Rubric 1. Đánh giá của cơ sở	K3, K4, K5, K6	30	17-18
Đánh giá cuối kì		70	
Rubric 2. Báo cáo kết quả rèn nghề	K1, K2, K4	70	18

Rubric 1: Đánh giá của cơ sở thực tập rèn nghề

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5-10 điểm	Khá 6,5-8,4 điểm	Trung bình 4,0-6,4 điểm	Kém 0-3,9 điểm
Thái độ, ý thức và kỹ năng	60	Có ý thức kỷ luật tốt; Tuân thủ đầy đủ các nội qui, qui định của cơ sở thực hành rèn nghề; Thực hiện thành thạo và có ý kiến cải tiến các qui trình, mô hình chế biến thức ăn tại cơ sở	Vi phạm lỗi nhỏ: như đi muộn... Bị nhắc nhở 01 lần Thực hiện thành thạo các qui trình, chế biến thức ăn tại cơ sở; không nhận xét được ưu và nhược điểm	Vi phạm lỗi nhỏ: như đi muộn... Bị nhắc nhở 02 lần Thực hiện một phần qui trình, chế biến thức ăn tại cơ sở, không nhận xét được ưu và nhược điểm	Vi phạm nội qui, qui định tại cơ sở: như đi muộn, đánh nhau, uống rượu....Bị nhắc nhở >3 lần Hoặc bỏ giáo trình không có lý do; Không nắm được quy trình, thực hiện không đạt yêu cầu, không đúng qui định
Thời gian tham dự	40	Tham gia và hoàn thành 100% các nội dung theo đề cương	Tham dự và hoàn thành trên 80% nội dung trong đề cương	Tham dự và hoàn thành 50- 80% nội dung trong đề cương	Tham dự và hoàn thành < 50% các nội dung trong đề cương

Rubric 2: Đánh giá cuối kì

Hình thức đánh giá: Báo cáo thu hoạch

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Đặt vấn đề	05	-Nêu được từ 85-100% mục đích, yêu cầu của đợt giáo trình sản xuất thức ăn chăn nuôi	-Chỉ nêu được từ 70- <85% mục đích, tính cấp thiết của đợt thực tập giáo trình	Chỉ nêu được từ 50- <70% mục đích, tính cấp thiết của đợt thực tập giáo trình	-Nêu được <50% mục đích yêu cầu Hoặc không có đặt vấn đề
Nội dung	10	Khái quát chung về cơ sở chăn nuôi: Địa điểm, Diện tích Cơ sở vật chất: nhà xưởng, hệ thống chuồng trại Cơ cấu tổ chức nhân sự	Nêu được từ 70- <85% các nội dung yêu cầu	Nêu được từ 50 - <70% các nội dung yêu cầu	Nêu được <50% các nội dung yêu cầu
	10	Tình hình sản xuất/chăn nuôi của cơ sở: - Chủng loại vật nuôi, quy mô - Cơ cấu đàn vật nuôi theo nhóm sản xuất - Sản phẩm thương mại của cơ sở	Nêu được từ 70- <85% các nội dung yêu cầu	Nêu được từ 50 - <70% các nội dung yêu cầu	Nêu được <50% các nội dung yêu cầu
	30	Tình hình sản xuất thức ăn chăn nuôi: - Nguồn nguyên liệu thức ăn thô, hức ăn tinh, thức ăn bổ sung (khoáng và vitamin): - Nhu cầu thức ăn thô, mức độ đáp ứng, kế hoạch cung ứng thức ăn thô , tinh	Nêu được từ 70- <85% các nội dung yêu cầu	Nêu được từ 50 - <70% các nội dung yêu cầu	Nêu được <50% các nội dung yêu cầu
	30	Phương pháp sản xuất/chế biến thức ăn chăn nuôi: - Thực hành sản xuất, chế biến thức ăn thô - Thực hành chế biến thức ăn tinh và phối trộn thức ăn hỗn hợp - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến	Nêu được từ 70- <85% các nội dung yêu cầu	Nêu được từ 50 - <70% các nội dung yêu cầu	Nêu được <50% các nội dung yêu cầu
Kết luận	05	- Các kiến thức thu được trong đợt giáo trình - Đánh giá ưu nhược điểm/tồn tại của các phương pháp chế biến TA/qui trình nuôi dưỡng tại cơ sở sx - Nhận xét đóng góp cho cơ sở/cho giáo viên	Nêu được từ 70- <85% các nội dung yêu cầu	Nêu được từ 50 - <70% các nội dung yêu cầu	- Thiếu hoặc không có kết luận - Kết luận không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày	10	Nhất quán về format trong toàn bài; Không có lỗi chính tả;	Vài sai sót nhỏ về format; ít lỗi chính tả	Vài chỗ không nhất quán; nhiều lỗi chính tả	Rất nhiều chỗ không nhất quán; Lỗi chính tả, lỗi câu

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Tham gia rèn nghề:

- Tham gia thực hành rèn nghề đầy đủ, nghiêm túc, tuân thủ các nội qui, qui định của cơ sở/trang trại/nông hộ; - Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu trong đề cương, tuân thủ các qui định của giáo viên hướng dẫn

Yêu cầu về đạo đức/thái độ:

- Tôn trọng và có thái độ đúng mực các cán bộ, nhân viên, công nhân tại cơ sở thực hành rèn nghề

- Đảm bảo an toàn cá nhân trong thời gian rèn nghề tại cơ sở/trang trại/ nông hộ

VII. Giáo trình/tài liệu tham khảo

- Giáo trình/bài giảng:

+ Bùi Quang Tuấn, Nguyễn Bách Việt, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Thị Huyền. (2012). Giáo trình Cây thức ăn chăn nuôi. Đại học Nông nghiệp (Thư viện Lương Định Của, Số xếp giá: 633.307 11 GIA 2012)

+ Bùi Quang Tuấn, Trần Quốc Việt, Đặng Thúy Nhung, Nguyễn Thị Huyền. (2012). Thức ăn chăn nuôi. Đại học Nông nghiệp (Thư viện Lương Định Của, Số xếp giá: 636.085 5 GIA 2012)

+ Nguyễn Thị Tuyết Lê, Bùi Văn Định (2017). Giáo trình Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi. NXB Đại học Nông nghiệp (Thư viện Lương Định Của, Số xếp giá: 636.089 NGL 2017)

- Tài liệu tham khảo :

+ Báo cáo của cơ sở/trang trại/nông hộ

+ Các kết quả nghiên cứu đề tài của bộ môn

+ Đề cương rèn nghề

VIII. Nội dung chi tiết học phần: (ghi tên chương, mục, tiểu mục)

Chương trình thực tập rèn nghề sản xuất thức ăn chăn nuôi

Ngày thực tập	Nội dung thực tập rèn nghề	Địa điểm
Ngày 1	Giới thiệu chung về cơ sở/trang trại/nông hộ chăn nuôi: - Cơ cấu tổ chức - Tình hình sản xuất/chăn nuôi của cơ sở	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 2	Tìm hiểu về kế hoạch sản xuất thức ăn của cơ sở/trang trại/nông hộ chăn nuôi: - Nguyên liệu: chủng loại nguyên liệu, năng suất, kế hoạch phát triển vùng nguyên liệu... - Phương pháp sản xuất/chế biến - Tình hình sử dụng thức ăn chăn nuôi tại cơ sở/trang trại/nông hộ	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 3	Thực hành rèn nghề với các nội dung: - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 4	Thực hành rèn nghề với các nội dung:	Cơ sở sản xuất

	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 5	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 6	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 7	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 8	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 9	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 10	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	
Ngày 11	<p>Thực hành rèn nghề với các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất/chế biến, phối trộn thức ăn - Đánh giá cảm quan chất lượng thức ăn sau khi sản xuất/chế biến - Chăm sóc, nuôi dưỡng: sử dụng thức ăn trong chăn nuôi gia súc/gia cầm 	
Ngày 12	<p>Báo cáo tổng kết tại cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá của cơ sở - Nhóm họp rút kinh nghiệm 	Cơ sở sản xuất thức ăn/trang trại/nông hộ chăn nuôi
Ngày 13	Rời cơ sở, trở về Học Viện	Học viện NNVN
Ngày 14	Sinh viên viết báo cáo kết quả rèn nghề	

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Tham gia thực hành rèn nghề đầy đủ, nghiêm túc, tuân thủ các nội qui, qui định của cơ sở/trang trại/nông hộ
- Thực hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu trong đề cương, tuân thủ các qui định của giáo viên hướng dẫn
- Hoàn thành báo cáo kết quả rèn nghề

X. Các đợt cải tiến

Đợt 1. Tháng 7/2016. Nội dung cải tiến

- Bổ sung nội dung rèn nghề chế biến thức ăn tại trang trại chăn nuôi lợn

Đợt 2. Tháng 7/2017. Nội dung cải tiến

- Bổ giáo trình mới: Giáo trình Thù ăn chăn nuôi và Giáo trình cây thức ăn
- Thay đổi hình thức phân công nhóm, phân công giáo viên phụ trách
- Bổ sung nội dung rèn nghề chế biến, sản xuất thức ăn tại trang trại chăn nuôi dê

Đợt 3. Tháng 7/2018

- Bổ sung giáo trình mới: Vi sinh vật ứng dụng trong chăn nuôi
- Bổ sung nội dung rèn nghề chế biến, sản xuất thức ăn tại trang trại chăn nuôi bò

Đợt 4. Tháng 7/2019. Nội dung cải tiến

- Cập nhật tài liệu tham khảo: Các kết quả nghiên cứu đề tài của bộ môn

Hà Nội, ngày 2 Tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Phạm Kim Đăng

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS. Nguyễn Thị Tuyết Lê

KT. GIÁM ĐỐC

(Ký và ghi rõ họ tên)



PHÓ GIÁM ĐỐC

GS.TS. Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC:

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Tuyết Lê	Học hàm, học vị: TS.
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912563942
Email: tuyetle_hua@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vie/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Quang Tuấn	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn: Dinh dưỡng và thức ăn. Khoa Chăn nuôi – Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	Điện thoại liên hệ: 0915176042
Email: bqtuan@vnua.edu.vn	Trang web: (Đưa tên website của Khoa; website cá nhân – nếu có)
Cách liên lạc với giảng viên: Qua mail, điện thoại(trong giờ làm hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Bùi Văn Định	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0985299509
Email: bvdinh18@gmail.com	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/vie/
Cách liên lạc với giảng viên:	Email, điện thoại (trong giờ hành chính)

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Đặng Thúy Nhung	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn – Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 016 572 698 29/0912 058 396
Email: nhungthuydang@gmail.com	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (trong giờ hành chính)	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Lê Việt Phương	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Dinh dưỡng và Thức ăn – Khoa Chăn nuôi, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 098 421 7707
Email: lvphuong@vnua.edu.vn	Trang web: http://www1.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: email, điện thoại (trong giờ hành chính)	